

UBND TỈNH BÌNH THUẬN  
CÔNG TY TNHH MTV  
LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Số: 1090 /CTLN – B.FSC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Thuận, ngày 16 tháng 8 năm 2019

## **BÁO CÁO KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NGUỒN NƯỚC NĂM 2019**

Căn cứ Kế hoạch Quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn quốc tế FSC của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận giai đoạn 2018 - 2023 đã được Tổng giám đốc Công ty phê duyệt.

Căn cứ công văn số: 13/CTLN-B.FSC ngày 11/6/2018 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận về việc điều chỉnh tần suất giám sát các hoạt động sản xuất của Công ty.

Căn cứ Kế hoạch giám sát chất lượng nguồn nước Phụ lục số 12 (Công văn số 692/CTLN-FSC ngày 03/8/2017/, Công ty TNHH MTV lâm nghiệp Bình Thuận báo cáo kết quả giám sát chất lượng nguồn nước năm 2019 như sau:

### **I. MỘT SỐ THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TY**

#### **1. Tên và địa chỉ Công ty**

- Tên cơ quan: Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận.
- Địa chỉ: 30 Yersin, P. Phú Trinh, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
- Điện thoại: 0252 3821717 .Fax: 0252.382 4104
- Email: [tchc.lamnghiepbt@gmail.com](mailto:tchc.lamnghiepbt@gmail.com),
- Website: <http://www.lamnghiepbinhthuan.com>

#### **2. Chức năng, nhiệm vụ chủ yếu.**

Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận quản lý và hoạt động theo mô hình Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước một thành viên. Nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty:

- Trồng rừng nguyên liệu;
- Khai thác tiêu thụ gỗ; chế biến, kinh doanh các sản phẩm từ rừng trồng;
- Trồng cây nông nghiệp (cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lương thực);
- Dịch vụ kỹ thuật nông lâm nghiệp;
- Sản xuất, kinh doanh giống cây trồng nông - lâm nghiệp;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh nông sản;
- Quản lý, bảo vệ rừng tự nhiên;
- Kinh doanh gỗ và sản phẩm từ rừng và lâm sản khác;
- Xuất nhập khẩu gỗ.

## II. MỤC ĐÍCH GIÁM SÁT.

- Xác định nguồn gây ô nhiễm, tải lượng các chất ô nhiễm;
- Đánh giá được mức độ ảnh hưởng của các nguồn thải, các chất ô nhiễm;
- Xây dựng các giải pháp giảm thiểu khả năng ảnh hưởng của các chất ô nhiễm tới nguồn nước và đưa ra những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống cộng đồng.
- Sử dụng những kết quả đánh giá để điều chỉnh kế hoạch sản xuất nếu có bất cứ tác động tiêu cực nào nảy sinh.

## III. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN CỦA KHU VỰC.

### 1. Ranh giới và tọa độ địa lý

- Bình Thuận là tỉnh có dãy đất bắt đầu chuyển hướng từ Nam sang Tây của phần còn lại của Việt Nam trên bản đồ hình chữ S, có tọa độ địa lý từ 10°33'42" đến 11°33'18" vĩ độ Bắc, từ 107°23'41" đến 108°52'18" kinh độ Đông.
- Phía Bắc của tỉnh Bình Thuận giáp với tỉnh Lâm Đồng.
- Phía Đông Bắc giáp tỉnh Ninh Thuận.
- Phía Tây giáp tỉnh Đồng Nai.
- Phía Tây Nam giáp Bà Rịa-Vũng Tàu
- Phía Đông và Nam giáp Biển Đông với đường bờ biển dài 192 km.

### 2. Diện tích đất đai:

a. Tổng diện tích quản lý trên toàn Công ty là 17.675,80 ha.

Stt	Loại đất	Tổng diện tích	Xí nghiệp LN Hàm Thuận Nam	Xí nghiệp LN Hàm Tân	Xí nghiệp LN Bắc Bình Thuận	Khu vực Phan Thiết
1	Rừng trồng	10.004,52	4.827,85	3.677,36	1.499,31	-
2	Rừng tự nhiên	2.545,32	517,34	1.601,53	426,45	-
3	Đất QH trả địa phương	2.104,17	544,64	985,61	573,92	-
4	Trảng cỏ, lùm bụi	1.622,16	1.128,75	59,36	434,05	-
5	Rừng chưa có trữ lượng	356,33	292,06	58,71	5,56	-
6	Khu vực HCVF	314,67		167,30	147,37	-
7	Cây trồng khác	161,41	73,59	85,80	2,02	-
8	Hành lang ven suối	119,91	44,66	69,04	6,21	-
9	Đất trống núi đá	110,95	-	101,64	9,31	-
10	Hành lang đa dạng sinh học	96,54	22,13	56,19	18,22	-
11	Mặt nước	73,59	23,66	33,10	16,83	-
12	Giao thông	66,58	34,24	22,70	9,64	-
13	Rừng trồng chết hạn	51,33	51,33	-	-	-
14	Đất phi nông nghiệp	33,05	11,10	11,44	8,01	2,50
15	Đường điện	13,54	-	3,01	10,53	-
16	Kênh mương	1,73	1,73	-	-	-

Tổng	17.675,80	7.573,08	6.932,79	3.167,43	2,50
------	-----------	----------	----------	----------	------

**b. Diện tích đã được cấp Chứng chỉ rừng FM/CoC.**

Stt	Loại đất	Tổng diện tích	Xí nghiệp LN Hàm Thuận Nam	Xí nghiệp LN Hàm Tân	Xí nghiệp LN Bắc Bình Thuận	Ghi Chú
1	Rừng trồng	8.584,05	4.006,44	3.434,32	1.143,29	
2	Trảng cỏ, lùm bụi	447,19	307,26	23,78	116,15	
3	Khu vực HCVF	314,67		167,30	147,37	
4	Hành lang ven suối	110,33	42,29	61,96	6,08	
5	Hành lang đa dạng sinh học	83,56	11,92	53,61	18,03	
6	Đất QH trả địa phương	81,86	23,85	27,01	31,00	
7	Rừng chưa có trữ lượng	71,84	66,28		5,56	
8	Rừng trồng chết hạn	47,28	47,28			
9	Cây trồng khác	8,06	8,05	0,01		
10	Giao thông	2,80	0,50	2,30		
13	Mặt nước	1,95	1,67	0,04	0,24	
11	Đất phi nông nghiệp	1,64	0,67	0,97		
12	Kênh mương	1,52	1,52			
14	Rừng tự nhiên	0,41	0,41			
15	Đường điện	0,05		0,05		
<b>Tổng</b>		<b>9.757,21</b>	<b>4.518,14</b>	<b>3.771,35</b>	<b>1.467,72</b>	

(Số liệu cập nhật đến 31-12-2018)

**IV. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT NĂM 2019.**

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2019 được thể hiện một số chỉ tiêu chính như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	XN Hàm Tân	XN Hàm Thuận Nam	XN Bắc Bình Thuận	Cộng
Ươm giống	cây	600.000	2.500.000	500.000	3.600.000
Trồng rừng	ha	493,63	492,16	87,81	1.073,60
Khai thác rừng	ha	407,26	460,50	224,50	1.092,26
Chăm sóc rừng trồng	ha	3.700,42	4.747,07	1.482	9.929,49

**V. DỰ BÁO CÁC TÁC ĐỘNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN NGUỒN NƯỚC**

Quá trình trồng, chăm sóc rừng và khai thác vận xuất, vận chuyển nguyên liệu gỗ có một số tác động đến môi trường nước như sau:

**1. Trong trồng, chăm sóc rừng.**

- Trong công tác trồng rừng, Công tác xử lý thực bì sau khai thác, cày trồng rừng, cuộc hồ chuẩn bị hiện trường trồng rừng và xới chăm sóc rừng trồng năm 1 đã tác động đến đất (đất bị xới lên), khi gặp mưa sẽ trôi xuống dòng nước.

- Ngoài ra, trong trồng rừng, có sử dụng bón lót phân NPK, khi bón phân sẽ được trộn đều với đất trong hố (lượng phân ở dưới 2/3hố) và được lấp đất lại đảm bảo không để phân thất thoát ra ngoài hố nhằm cung cấp toàn bộ lượng phân trên cho cây trồng. Tuy nhiên, sau khi bón phân, gặp mưa lớn, phân sẽ bị rửa trôi, thấm thấu hoặc trực tiếp trôi theo dòng nước xuống các ao hồ, sông suối.

- Rác thải trong hoạt động trồng, chăm sóc rừng nếu không được kiểm soát và xử lý đúng quy trình thì đây cũng là một tác nhân ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước.

## **2. Khai thác và mở đường vận xuất, vận chuyển nguyên liệu gỗ.**

- Cuối chu kỳ rừng trồng nguyên liệu gỗ được khai thác trắng theo lô, động thái này có ảnh hưởng đến môi trường nước do mặt đất không còn cây che phủ, khi có mưa sẽ xuất hiện tình trạng rửa trôi bề mặt đất.

- Khi khai thác có những nơi phải mở đường vận xuất, vận chuyển làm đất bị cày xới cũng có ảnh hưởng nhất định đến nguồn nước.

- Rác thải sinh hoạt, dầu nhớt của phương tiện nếu không được kiểm soát cũng là nguyên nhân chính tác động đến nguồn nước.

## **3. Hoạt động sản xuất cây giống tại Vườn ươm.**

- Trong hoạt động Vườn ươm, Công ty có sử dụng một số loại thuốc bảo vệ thực vật (được phép sử dụng) trong gieo ươm, phòng trừ nấm bệnh; nếu không được kiểm soát tốt sẽ ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước.

- Rác thải sinh hoạt, các phế thải để lại sau gieo ươm cây giống cũng là yếu tố tiềm tàng ảnh hưởng đến nguồn nước.

Như vậy, các hoạt động trên sẽ tạo ra một lượng đất bị xới mòn và một số chất thải xuống dòng chảy làm thay đổi hợp chất hữu cơ, hàm lượng các chất trong nước. Do vậy, cần phải thực hiện việc giám sát chất lượng nguồn nước để xem mức độ và phạm vi ảnh hưởng để có những biện pháp giảm thiểu tích cực, nâng cao chất lượng nguồn nước tại các khu vực có các hoạt động nêu trên.

## **VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT CHẤT LƯỢNG NGUỒN NƯỚC.**

Giám sát chất lượng nguồn nước tại các dòng suối lớn, suối vừa và suối nhỏ nằm gần các khu vực diễn ra một số hoạt động lâm sinh có ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nước

Căn cứ vào quy mô sản xuất của Công ty, việc giám sát chất lượng nguồn nước sẽ được thực hiện tại các vị trí như sau:

### **1. Hoạt động trồng hoặc khai thác rừng:**

- Xí nghiệp Hàm Thuận Nam: 1 mẫu nước;
- Xí nghiệp Hàm Tân: 1 mẫu nước;
- Xí nghiệp Bắc Bình Thuận: 2 mẫu nước.

2. Hoạt động gieo ươm cây giống tại Vườn ươm.

- Xí nghiệp Hàm Thuận Nam: 1 mẫu nước;

- Xí nghiệp Hàm Tân: 1 mẫu nước.

Như vậy, công tác giám sát chất lượng nguồn nước năm 2019 của Công ty được thực hiện trên 6 mẫu nước.

Công ty đã thuê Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn đo lường chất lượng Bình Thuận xét nghiệm chất lượng nguồn nước. Kết quả giám sát năm 2019 cho thấy các chỉ tiêu xét nghiệm đã được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2005.

*(Kèm theo kết quả kiểm định)*

## **VII. KẾT LUẬN, TỒN TẠI.**

### **1. Kết luận:**

- Quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nguồn nước trong khu vực, các chỉ số kiểm định đã được công nhận phù hợp với tiêu chuẩn đề ra. - Trồng rừng ít có ảnh hưởng xấu đến môi trường mà phần lớn có lợi cho môi trường sinh thái, bảo vệ đất, bảo vệ nguồn nước, làm tăng mực nước ngầm, góp phần phủ xanh đất trống đồi núi trọc, tăng độ che phủ của rừng, bên cạnh đó là sự trao đổi khí từ quá trình quang hợp của cây xanh.

### **2. Tồn tại:**

- Trong thời gian hơn 01 năm thực hiện theo kế hoạch quản lý rừng bền vững đã cho kết quả nhất định về kinh tế - xã hội - môi trường; song chưa đủ thời gian để khẳng định, mọi hoạt động cần có nhiều hơn thời gian để chứng minh tác động tích cực đến môi trường xã hội xung quanh.

- Nghiệp vụ của cán bộ chưa chuyên sâu trong lĩnh vực nghiên cứu nên còn nhiều bất ngờ, vừa làm vừa nghiên cứu tài liệu nên phần nào ảnh hưởng tới tiến độ, chưa chuẩn theo chu kỳ nghiên cứu.

## **VIII. KẾ HOẠCH GIÁM SÁT NĂM 2019**

- Năm 2019, Công ty tiếp tục giám sát chất lượng nguồn nước có khả năng ảnh hưởng bởi các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: Trồng, chăm sóc rừng; Khai thác, mở đường vận xuất, Gieo ươm cây giống

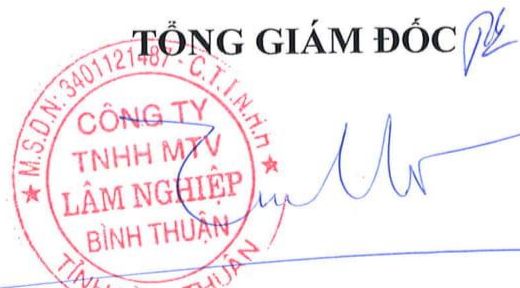
- Thời gian giám sát: Tháng 12/2019.

- Phương pháp giám sát: Công ty tiếp tục thuê Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh Bình Thuận xét nghiệm chất lượng nguồn nước trên địa bàn quản lý của Công ty.

Trên đây là kết quả giám sát chất lượng nguồn nước năm 2019 của Công ty TNHH MTV Lâm nghiệp Bình Thuận.

### **Nơi nhận**

- Chủ tịch Công ty;
- Ban TGD Công ty;
- Các Phòng NV.Công ty;
- Các XN Lâm nghiệp;
- Lưu: VT, B.FSC.









CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN  
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
ISO/IEC 17025:2005 - ISO 9001:2015

Head Office: 04 Nguyen Hoi Street, Phan Thiet City, Binh Thuan Province

Tel: 0252.3822390

Fax: 0252.3822390

Website: [chicuctdcbinhthuan.gov.vn](http://chicuctdcbinhthuan.gov.vn)

Số: 19072827

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày/Date: 19/07/2019

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Địa chỉ/ Address: 30 YERSIN, P. PHÚ TRINH, TP. PHAN THIẾT, T. BÌNH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 12/07/2019

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 19/07/2019

Tên mẫu/ Sample name: NGUỒN NƯỚC TẠI HIỆN TRƯỜNG TRỒNG RỪNG HÀM TÂN

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa

Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
01	pH		6,87	5,5 - 9	TCVN 6492:2011 (*)
02	Độ đục	NTU	36,2	KQĐ	SMEWW 2130B:2012
03	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	8,08	$\geq 4$	TCVN 7325:2016
04	Nitrit (tính theo nitơ)	mg/L	0,01	0,05	TCVN 6178:1996 (*) (**)
05	Sắt tổng số	mg/L	0,79	1,5	TCVN 6177:1996 (*) (**)
06	Chỉ số pemanganat	mg/L	3,62	KQĐ	TCVN 6186:1996
07	Escherichia coli	MPN/100ml	$< 3,0$	100	TCVN 6187-2:1996 (*) (**)
08	Độ màu	TCU	25,0	KQĐ	TCVN 6185:2015 (**)
09	Coliform tổng	MPN/100ml	$1,1 \times 10^3$	7500	TCVN 6187-2:1996(*) (**)

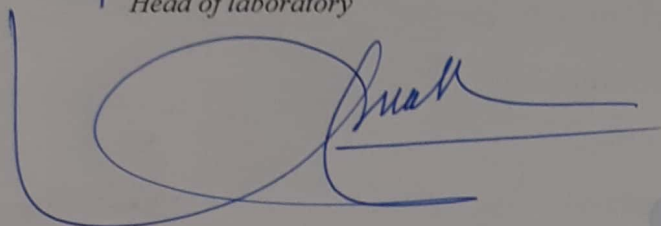
STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
10	Amoni (tính theo nitơ)	mg/L	0,16	0,9	US EPA Method 350.2 (**)

GHTĐCP: Giới hạn tối đa cho phép. KQĐ: Không quy định.

(\*\*): Phương pháp được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

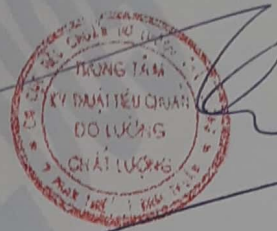
Ghi chú: GHTĐCP theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước mặt".  
(Cột b1)

**TRƯỞNG PHÒNG**  
Head of laboratory



**Nguyễn Thành Tín**

**GIÁM ĐỐC**  
Director



**Lương Đình Quát**

**Ghi chú/Remark:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation). Hết thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng/When sample storing period expire, Technical Center of standards metrology and quality doesn't take responsibility for anything of complain.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (\*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS.
- (<sup>17</sup>): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.





CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN  
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
ISO/IEC 17025:2005 - ISO 9001:2015

Head Office: 04 Nguyen Hoi Street, Phan Thiet City, Binh Thuan Province

Tel: 0252.3822390

Fax: 0252.3822390

Website: chicutdcbinhthuan.gov.vn

Số: 19072826

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày/Date: 19/07/2019

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Địa chỉ/ Address: 30 YERSIN, P. PHÚ TRINH, TP. PHAN THIẾT, T. BÌNH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 12/07/2019

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 19/07/2019

Tên mẫu/ Sample name: NGUỒN NƯỚC TẠI VƯỜN ƯƠM TÂN AN

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa

Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
01	pH		6,67	5,5 - 9	TCVN 6492:2011 (*)
02	Độ đục	NTU	317,0	KQĐ	SMEWW 2130B:2012
03	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	8,62	$\geq 4$	TCVN 7325:2016
04	Nitrit (tính theo nitơ)	mg/L	0,01	0,05	TCVN 6178:1996 (*) (**)
05	Sắt tổng số	mg/L	2,64	1,5	TCVN 6177:1996 (*) (**)
06	Chỉ số pemanganat	mg/L	3,56	KQĐ	TCVN 6186:1996
07	Escherichia coli	MPN/100ml	< 3,0	100	TCVN 6187-2:1996 (*) (**)
08	Độ màu	TCU	20	KQĐ	TCVN 6185:2015 (**)
09	Coliform tổng	MPN/100ml	< 3,0	7500	TCVN 6187-2:1996(*) (**)

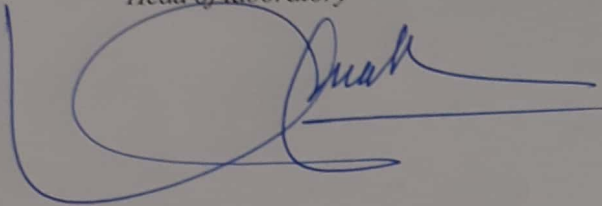
STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
10	Amoni (tính theo nitơ)	mg/L	0,18	0,9	US EPA Method 350.2 (**)

GHTĐCP: Giới hạn tối đa cho phép. KQĐ: Không quy định.

(\*\*): Phương pháp được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

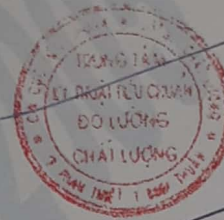
Ghi chú: GHTĐCP theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước mặt".  
(Cột b1)

TRƯỞNG PHÒNG  
Head of laboratory



Nguyễn Thành Tín

GIÁM ĐỐC  
Director



Lương Đình Quái

**Ghi chú/Remark:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation). Hết thời hạn lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng/When sample storing period expire, Technical Center of standards metrology and quality doesn't take responsibility for anything of complain.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (\*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS.





CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN  
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
ISO/IEC 17025:2005 - ISO 9001:2015

Head Office: 64 Nguyen Hoi Street, Phan Thiet City, Binh Thuan Province

Tel: 0252.3822390

Fax: 0252.3822390

Website: [chicuctdbinhthuan.gov.vn](http://chicuctdbinhthuan.gov.vn)

Số: 19072828

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày/Date: 19/07/2019

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Địa chỉ/ Address: 30 YERSIN, P. PHÚ TRINH, TP. PHAN THIẾT, T. BÌNH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 12/07/2019

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 19/07/2019

Tên mẫu/ Sample name: NGUỒN NƯỚC TẠI HIỆN TRƯỜNG TRỒNG RỪNG HÀM THUẬN NAM

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa

Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
01	pH		5,07	5,5 - 9	TCVN 6492:2011 (*)
02	Độ đục	NTU	904,0	KQĐ	SMEWW 2130B:2012
03	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	8,20	$\geq 4$	TCVN 7325:2016
04	Nitrit (tính theo nitơ)	mg/L	0,02	0,05	TCVN 6178:1996 (*) (**)
05	Sắt tổng số	mg/L	0,49	1,5	TCVN 6177:1996 (*) (**)
06	Chỉ số pemanganat	mg/L	5,38	KQĐ	TCVN 6186:1996
07	Escherichia coli	MPN/100ml	$< 3,0$	100	TCVN 6187-2:1996 (*) (**)
08	Độ màu	TCU	30	KQĐ	TCVN 6185:2015 (**)
09	Coliform tổng	MPN/100ml	$4,6 \times 10^2$	7500	TCVN 6187-2:1996(*) (**)

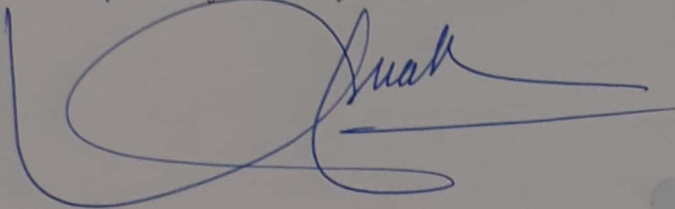
STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
10	Amoni (tính theo nitơ)	mg/L	0,27	0,9	US EPA Method 350.2 (**)

GHTĐCP: Giới hạn tối đa cho phép. KQĐ: Không quy định.

(\*\*): Phương pháp được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

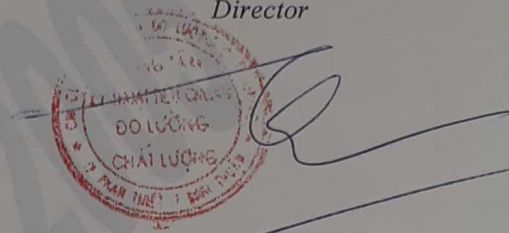
Ghi chú: GHTĐCP theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước mặt”.  
(Cột b1)

TRƯỞNG PHÒNG  
Head of laboratory



Nguyễn Thành Tín

GIÁM ĐỐC  
Director



Lương Đình Quát

**Ghi chú/Remark:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation). Hết thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng/When sample storing period expire, Technical Center of standards metrology and quality doesn't take responsibility for anything of complain.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (\*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS.
- (<sup>TP</sup>): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.





CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN  
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
ISO/IEC 17025:2005 - ISO 9001:2015

VILAS 266

VIMCERTS 129

Head Office: 04 Nguyen Hoi Street, Phan Thiet City, Binh Thuan Province

Tel: 0252.3822390

Fax: 0252.3822390

Website: tdcbinhthuan.vn

Số: 19072823

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày/Date: 19/07/2019

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Địa chỉ/ Address: 30 YERSIN, P. PHÚ TRINH, TP. PHAN THIẾT, T. BÌNH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 12/07/2019

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 19/07/2019

Tên mẫu/ Sample name: NGUỒN NƯỚC TẠI VƯỜN ƯƠM HÀM THUẬN NAM

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa

Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
01	Độ đục	NTU	255,0	KQĐ	SMEWW 2130B:2012
02	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	2,65	$\geq 4$	TCVN 7325:2016
03	Nitrit (tính theo nitơ)	mg/L	0,01	0,05	TCVN 6178:1996 (*) (**)
04	Sắt tổng số	mg/L	8,40	1,5	TCVN 6177:1996 (*) (**)
05	Chỉ số pemanganat	mg/L	4,62	KQĐ	TCVN 6186:1996
06	Độ màu	TCU	20	KQĐ	TCVN 6185:2015 (**)
07	pH		4,44	5,5 - 9	TCVN 6492:2011 (*)
08	Escherichia coli	MPN/100ml	$2,4 \times 10^3$	100	TCVN 6187-2:1996 (*) (**)
09	Coliform tổng	MPN/100ml	$4,6 \times 10^3$	7500	TCVN 6187-2:1996 (*) (**)



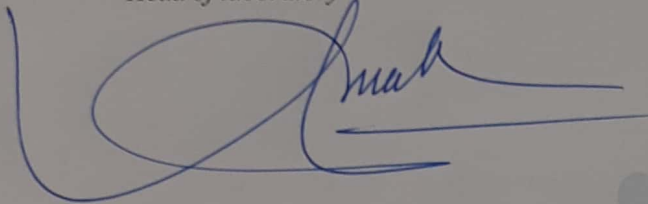
STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
10	Amoni (tính theo nitơ)	mg/L	0,12	0,9	US EPA Method 350.2 (**)

GHTĐCP: Giới hạn tối đa cho phép. KQĐ: Không quy định.

(\*\*): Phương pháp được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

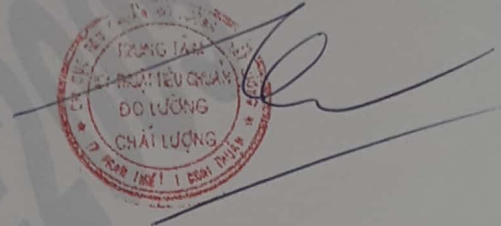
Ghi chú: GHTĐCP theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước mặt".  
(Cột b1)

**TRƯỞNG PHÒNG**  
Head of laboratory



Nguyễn Thành Tín

**GIÁM ĐỐC**  
Director



Lương Đình Quát

**Ghi chú/Remark:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation). Hết thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng/When sample storing period expire, Technical Center of standards metrology and quality doesn't take responsibility for anything of complain.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (\*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS.
- (TV): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN  
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
ISO/IEC 17025:2005 - ISO 9001:2015

Head Office: 04 Nguyen Hoi Street, Phan Thiet City, Binh Thuan Province

Tel: 0252.3822390

Fax: 0252.3822390

Website: [chicuctcbinhthuan.gov.vn](http://chicuctcbinhthuan.gov.vn)

Số: 19072824

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày/Date: 19/07/2019

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Địa chỉ/ Address: 30 YERSIN, P. PHÚ TRINH, TP. PHAN THIẾT, T. BÌNH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 12/07/2019

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 19/07/2019

Tên mẫu/ Sample name: NGUỒN NƯỚC TẠI HIỆN TRƯỜNG TRỒNG RỪNG HÀM THUẬN BẮC

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa

Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
01	pH		7,12	5,5 - 9	TCVN 6492:2011 (*)
02	Độ đục	NTU	11,1	KQĐ	SMEWW 2130B:2012
03	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	7,57	≥4	TCVN 7325:2016
04	Nitrit (tính theo nitơ)	mg/L	0,01	0,05	TCVN 6178:1996 (*) (**)
05	Sắt tổng số	mg/L	1,41	1,5	TCVN 6177:1996 (*) (**)
06	Chỉ số pemanganat	mg/L	4,62	KQĐ	TCVN 6186:1996
07	Escherichia coli	MPN/100ml	< 3,0	100	TCVN 6187-2:1996 (*) (**)
08	Độ màu	TCU	20	KQĐ	TCVN 6185:2015 (**)
09	Coliform tổng	MPN/100ml	< 3,0	7500	TCVN 6187-2:1996 (*) (**)



STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
10	Amoni (tính theo nito)	mg/L	0,14	0,9	US EPA Method 350.2 (**)

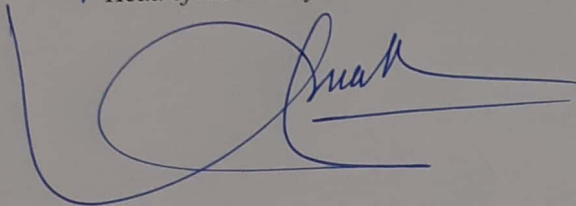
GHTĐCP: Giới hạn tối đa cho phép. KQĐ: Không quy định.

(\*\*): Phương pháp được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Ghi chú: GHTĐCP theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT “Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước mặt”.

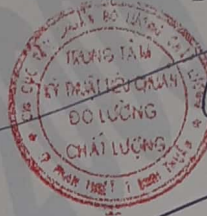
(Cột b1)

**TRƯỞNG PHÒNG**  
Head of laboratory



**Nguyễn Thành Tín**

**GIÁM ĐỐC**  
Director



**Lương Đình Quái**

**Ghi chú/Remark:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation). Hết thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng/When sample storing period expire, Technical Center of standards metrology and quality doesn't take responsibility for anything of complain.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (\*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS.
- (TP): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.



CHI CỤC TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG BÌNH THUẬN  
BINH THUAN BRANCH OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG  
TECHNICAL CENTER OF STANDARDS METROLOGY AND QUALITY  
ISO/IEC 17025:2005 - ISO 9001:2015

Head Office: 04 Nguyen Hoi Street, Phan Thiet City, Binh Thuan Province

Tel: 0252.3822390

Fax: 0252.3822390

Website: [chicuctdbinhthuan.gov.vn](http://chicuctdbinhthuan.gov.vn)

Số: 19072825

**PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

Ngày/Date: 19/07/2019

Trang/Page: 1

Nơi gửi mẫu/ Client: CÔNG TY TNHH MTV LÂM NGHIỆP BÌNH THUẬN

Địa chỉ/ Address: 30 YERSIN, P. PHÚ TRINH, TP. PHAN THIẾT, T. BÌNH THUẬN

Ngày nhận mẫu/ Sample receiving date: 12/07/2019

Ngày hẹn trả/ Date of returning result: 19/07/2019

Tên mẫu/ Sample name: NGUỒN NƯỚC TẠI HIỆN TRƯỜNG TRỒNG RỪNG BẮC BÌNH

Mô tả mẫu/ Sample description: Mẫu đựng trong chai nhựa

Số lượng/ Quantity:

01

STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
01	pH		5,73	5,5 - 9	TCVN 6492:2011 (*)
02	Độ đục	NTU	304,0	KQĐ	SMEWW 2130B:2012
03	Oxi hoà tan (DO)	mg/L	8,34	≥4	TCVN 7325:2016
04	Nitrit (tính theo nito)	mg/L	0,01	0,05	TCVN 6178:1996 (*) (**)
05	Sắt tổng số	mg/L	4,68	1,5	TCVN 6177:1996 (*) (**)
06	Chỉ số pemanganat	mg/L	4,76	KQĐ	TCVN 6186:1996
07	Escherichia coli	MPN/100ml	< 3,0	100	TCVN 6187-2:1996 (*) (**)
08	Độ màu	TCU	25	KQĐ	TCVN 6185:2015 (**)
09	Coliform tổng	MPN/100ml	2,4 x 10 <sup>2</sup>	7500	TCVN 6187-2:1996(*) (**)



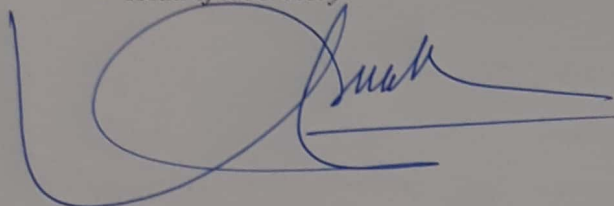
STT No.	Tên chỉ tiêu Test item	Đơn vị Unit	Kết Quả Test result	GHTĐCP Limit	Phương Pháp Thử Test method
10	Amoni (tính theo nitơ)	mg/L	0,23	0,9	US EPA Method 350.2 (**)

GHTĐCP: Giới hạn tối đa cho phép. KQĐ: Không quy định.

(\*\*): Phương pháp được Bộ TN&MT chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

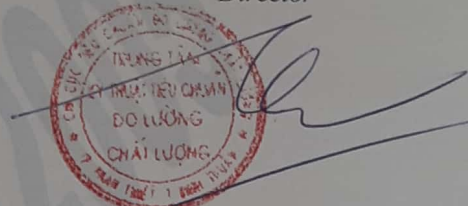
Ghi chú: GHTĐCP theo QCVN 08-MT:2015/BTNMT "Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Chất lượng nước mặt".  
(Cột b1)

TRƯỞNG PHÒNG  
Head of laboratory



Nguyễn Thành Tín

GIÁM ĐỐC  
Director



Lương Đình Quát

**Ghi chú/Remark:**

- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử/Test result are valid only for test sample
- Thời gian lưu mẫu 5 ngày (kể từ ngày hẹn trả kết quả)/Sample storing period is 5 days (As from the date of this report's promulgation). Hết thời hạn lưu mẫu, Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng/When sample storing period expire, Technical Center of standards metrology and quality doesn't take responsibility for anything of complain.
- Không được trích sao một phần kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý của Trung tâm/This test report shall not be reproduced except in full, without the approval of Technical Center of standards metrology and quality.
- Tất cả thông tin về mẫu thử nghiệm do khách hàng cung cấp/The following sample(s) was/were submitted and identified by client
- (\*) Chỉ tiêu được VILAS công nhận/Items are accredited by VILAS.
- (TP): Kết quả được thực hiện bởi nhà thầu phụ/Items are tested by subcontractor
- LOD: Giới hạn phát hiện/Limit of detection. KPH: Không phát hiện/ Not detected.